

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-ST
Ngày 27/6/2019
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Hận.
2. Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2019, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phan Kim L** – sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Trương Thị C** và ông **Nguyễn Văn B**. Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Kim L trình bày:

Ngày 25/10/2018 (âm lịch), bà có thỏa thuận với phía bà C, ông B về việc bà nhận chuyển nhượng một phần đất của bà C, ông B, theo đó bị đơn có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng mà không làm hợp đồng theo quy định pháp luật. Bị đơn yêu cầu bà đưa cho bị đơn trước 5.000.000 đồng để bị đơn làm chi phí thực hiện thủ tục chuyển nhượng và bà đồng ý, bị đơn đã nhận xong số tiền trên nhưng không thực hiện được thủ tục chuyển nhượng như đã thỏa thuận, việc giao nhận tiền giữa các bên có làm biên nhận viết tay có chữ ký giữa các bên. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng không thực hiện được như cam kết nên bà yêu cầu bị đơn trả lại bà số tiền nêu trên. Bà có nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền nhưng phía bị đơn có hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Bà có yêu cầu địa phương tiến hành hòa giải, tại buổi hòa

giải phía bị đơn có hứa hẹn sẽ trả lại số tiền nêu trên cho bà nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Tại tòa án hôm nay, bà yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền là 5.000.000 đồng và bà không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà C, ông B đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã K, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc giao nhận tiền giữa bà L với bà C, ông B để thực hiện thỏa thuận làm phí thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và có diễn ra trên thực tế. Bà C, ông B còn nợ lại bà L số tiền 5.000.000 đồng đã nhận, bà L yêu cầu bà C, ông B trả số tiền nêu trên.

Bà L là người khởi kiện, bà C, ông B là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự bà L là nguyên đơn, bà C, ông B là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà C, ông B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông B.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có thực hiện việc giao nhận số tiền 5.000.000 đồng để làm thủ tục thực hiện việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận, việc giao nhận tiền có lập biên nhận đề ngày 25/10/2018 (âm lịch). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, việc giao nhận số tiền nêu trên giữa các bên là thực tế có xảy ra do, điều đó được thể hiện trong biên nhận có chữ ký nhận của các bên và có chữ ký xác nhận của người chứng kiến là ông Lê Văn Núi. Tòa án có tiến hành ghi nhận ý kiến trình bày của ông Núi tại tòa, ông Núi thừa nhận biên nhận là có thật, ông là người trực tiếp ghi biên nhận cho các bên, nội dung biên nhận đúng như nội dung biên nhận trong hồ sơ vụ án mà ông đã được xem tại tòa, ông xác định ông có chứng kiến việc bà C và ông B trực tiếp nhận số tiền 5.000.000 đồng của bà L, đây là tiền mà bà L giao cho bà C, ông B làm chi phí thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà các bên có thỏa thuận trước đó. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 01 năm 2019 của tổ hòa giải ấp R, bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 5.000.000 đồng từ nguyên đơn và đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận việc giao nhận tiền giữa các bên là có xảy ra, nội dung việc giao nhận số tiền này là làm chi phí để bị đơn thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho nguyên đơn như giao kết ban đầu giữa các bên, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận ban đầu nên nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, Điều 274, Điều 275 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Kim L. Buộc bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho bà Phan Kim L số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phan Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn B không thi hành xong khoản tiền nêu trên, bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn B phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Phan Kim L không phải chịu án phí, bà có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002994 ngày 19/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án xử công khai, bà Phan Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp